

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In the Guardianship or custody of:
Trong Quyền Giám Hộ hoặc việc nuôi con:

Respondent/s (minors/children)
(Các) Bị Đơn (trẻ vị thành niên/trẻ em)

No. _____
Số _____

Petition to Terminate or Change Minor
Guardianship or Non-Parent Custody
Order
Đơn Xin Chấm Dứt hoặc Thay Đổi Quyền
Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên hay Lệnh
Nuôi Con Không Phải Cha/Mẹ
(PTMD)
(PTMD)

Use this form together with a Notice of Hearing about a Petition to Terminate or Change a Minor Guardianship or Non-Parent Custody Order. If you have a Non-Parent Custody Order, please check your court's local rules about whether this is the appropriate form to use or if you need to file a Petition for Minor Guardianship.

Sử dụng mẫu đơn này cùng với Thông Báo Phiên Xét Xử Về Việc Chấm Dứt hoặc Thay Đổi Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên hay Lệnh Nuôi Con Không Phải Của Cha Mẹ. Nếu quý vị có Lệnh Nuôi Con Không Phải Của Cha Mẹ, xin kiểm tra các quy tắc địa phương của tòa án quý vị về việc liệu đây có phải là mẫu đơn phù hợp để sử dụng hay không hoặc nếu quý vị cần nộp Đơn Xin Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên.

**Petition to Terminate or Change
Minor Guardianship or Non-Parent Custody Order
Đơn Xin Chấm Dứt hoặc Thay Đổi
Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên hay Lệnh Nuôi Con Không Phải
Cha Mẹ**

1. **Who is asking to terminate or change the guardianship or custody order?**
Ai đang yêu cầu chấm dứt hoặc thay đổi quyền giám hộ hay lệnh nuôi con?

Name: _____ . I am a:
Tên: _____ . Tôi là:

[] parent of the children.
cha/mẹ của các trẻ.

- [] child age 12 or older.
trẻ từ 12 tuổi trở lên.
- [] guardian.
người giám hộ.
- [] non-parent custodian.
người nuôi con không phải cha mẹ.
- [] person interested in the welfare of the children (describe relationship): _____
người quan tâm đến phúc lợi các trẻ (mô tả mối quan hệ):

2. Notice to Others

Thông Báo Cho Những Người Khác

I will serve this *Petition* and a *Notice of Hearing about a Petition to Terminate or Change a Minor Guardianship or Non-Parent Custody Order* on anyone else who is a:

Tôi sẽ tổng đạt Đơn Xin này và một Thông Báo Phiên Xét Xử Về Việc Chấm Dứt hoặc Thay Đổi Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên hay Lệnh Nuôi Con Không Phải Cha Mẹ cho bất kỳ người nào khác là:

- parent,
cha/mẹ,
- child age 12 or older,
trẻ từ 12 tuổi trở lên,
- guardian or non-parent custodian, or
người giám hộ hoặc người nuôi con không phải cha mẹ, hoặc
- interested party listed in the *Minor Guardianship Order* (if any)
đương sự liên quan được liệt kê trong Lệnh Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên (nếu có)

All parties' information is listed in the *Notice Attachment to Notice of Hearing*.

Thông tin của tất cả các đương sự được liệt kê trong Phụ Lục Thông Báo Phiên Xét Xử.

3. Who are the children involved in this case?

Các trẻ nào liên quan trong vụ án này?

Child's name Tên trẻ	Age Tuổi	Child's name Tên trẻ	Age Tuổi
1.		2.	
3.		4.	

4. Describe the guardianship or non-parent custody order in place now:

Mô tả quyền giám hộ hoặc lệnh nuôi con không phải cha mẹ hiện sẵn có:

The current order that gives guardianship or custody of the children to a non-parent is a *Lệnh hiện tại trao quyền giám hộ hoặc việc nuôi con đối với các trẻ cho người không phải cha mẹ là*

(title of order): _____

(tiêu đề của lệnh):

in case number _____

trong số vụ án

signed by a court on _____ in _____
được ký bởi tòa án vào _____ tại _____
date _____ county and state
ngày _____ quận và tiểu bang

Important! Attach a copy of the order that you want to terminate or change. If the order was issued in a different county or state, it first must be transferred to this county. Attach a certified copy of the order transferring the case and order you want to change.

Quan Trọng! Kèm theo một bản sao của lệnh mà quý vị muốn chấm dứt hoặc thay đổi. Nếu lệnh đã được ban hành ở một quận hoặc tiểu bang khác, trước tiên, lệnh phải được chuyển cho quận này. Kèm theo một bản sao được chứng nhận của lệnh chuyển vụ án và lệnh mà quý vị muốn thay đổi.

5. Request
Yêu Cầu

I ask the court to (check all that apply):

Tôi yêu cầu tòa án (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- ☐ **Terminate** (end) a guardianship or non-parent custody order because the reason the guardian or custodian was appointed is no longer true.

Chấm dứt (kết thúc) quyền giám hộ hoặc lệnh nuôi con không phải cha mẹ bởi vì lý do đã chỉ định người giám hộ hoặc người nuôi con không còn đúng nữa.

Also terminate all child support orders requiring anyone to pay support to the guardian or non-parent custodian for these children.

Ngoài ra, chấm dứt tất cả các lệnh cấp dưỡng con yêu cầu bất kỳ người nào phải chi trả cấp dưỡng cho người giám hộ hoặc người nuôi con không phải cha mẹ đối với các trẻ này.

- ☐ **Transition** – Order the following arrangements to help the children transition custody:

Chuyển tiếp – Lệnh thực hiện các sắp xếp sau đây để giúp các trẻ việc nuôi con chuyển tiếp:

- ☐ Allow me to **resign** as guardian.

Cho phép tôi **từ bỏ** việc làm người giám hộ.

- ☐ **Replace the Guardian with the Successor Guardian.** The *Minor Guardianship Order* provided for (name) _____ to be appointed as successor guardian if something specific happened (list the designated event): _____

Thay thế Người Giám Hộ bằng Người Giám Hộ Kế Nhiệm. Lệnh Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên được cung cấp cho (tên) _____ sẽ được chỉ định làm người giám hộ kế nhiệm nếu sự việc cụ thể nào đó đã xảy ra (liệt kê sự kiện được chỉ định): _____

The designated event has now happened. I ask the court to appoint the successor guardian immediately.

Sự kiện được chỉ định đã diễn ra hiện nay. Tôi yêu cầu tòa án chỉ định người giám hộ kế nhiệm ngay lập tức.

[] **Replace the guardian with (name):** _____
Thay thế người giám hộ bằng (tên):

The *Minor Guardianship Order* did not name a successor guardian. I ask the court to appoint a successor guardian now pursuant to its authority under RCW 11.130.055.
Lệnh Về Quyền Giám Hộ Trẻ Vị Thành Niên đã không có tên một người giám hộ kế nhiệm. Tôi yêu cầu tòa án chỉ định người giám hộ kế nhiệm hiện nay dựa vào thẩm quyền của tòa án theo RCW 11.130.055.

[] **Change** the terms of the guardianship or non-parent custody order as follows.
(Specify change you want the court to make. Examples: changes to visitation, decision-making, access to records):
Thay đổi các thời hạn về quyền giám hộ hoặc lệnh nuôi con không phải cha mẹ như sau:
(Nêu rõ sự thay đổi mà quý vị muốn tòa án thực hiện. Ví dụ: các thay đổi về sự thăm nom, việc ra quyết định, tiếp cận hồ sơ):

Important! If you want to change child support without terminating the guardianship, use the child support modification forms (FL Modify 500 – 522)

Quan Trọng! Nếu quý vị muốn thay đổi cấp dưỡng con mà không chấm dứt quyền giám hộ, hãy sử dụng các mẫu đơn sửa đổi cấp dưỡng con (FL Sửa đổi 500 – 522)

6. Reasons for Request
Lý Do Yêu Cầu

These facts support my request. (Describe how the situation has changed and why the court should approve your request. Be specific. Add lines or attachments as needed.)
Các sự kiện này chứng minh yêu cầu của tôi. (Mô tả cách thức hoàn cảnh đã thay đổi và lý do vì sao tòa án nên chấp thuận yêu cầu của quý vị. Nêu cụ thể. Thêm dòng hoặc đính kèm nếu cần.)

7. Guardian ad Litem
Người Giám Hộ Tạm Thời

[] Does not apply.
Không áp dụng.

☐ I ask the court to appoint a Guardian ad Litem to represent the interests of the children.
Tôi yêu cầu tòa án chỉ định một Người Giám Hộ Tạm Thời để đại diện lợi ích của các trẻ.

**8. Children's Home/s (UCCJEA Information)
 (Các Nhà Của Các Trẻ (Thông Tin UCCJEA))**

During the past 5 years have any of the children lived:
Trong 5 năm qua, có bất kỳ trẻ nào đã sống:

- ☐ on an Indian reservation,
ở một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ,
- ☐ outside Washington state,
ngoài Tiểu Bang Washington,
- ☐ in a foreign country, or
ở nước ngoài, hoặc
- ☐ with anyone who is not a party to this case?
với bất kỳ người nào không phải là một đương sự trong vụ án này?

☐ No. (Skip to 9.)
Không. (Chuyển đến 9.)

☐ Yes. (Fill out below to show where each child has lived during the last 5 years.)
Có. (Điền vào dưới đây để cho biết nơi mỗi trẻ đã sống trong 5 năm qua.)

Dates Số ngày	Children Các trẻ	Lived with Đã sống với	In which state, Indian reservation, or foreign country Ở tiểu bang, khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ hay nước ngoài nào
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner ☐ Respondent Nguyên Đơn [-] Bị Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các Tên):	☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner ☐ Respondent Nguyên Đơn [-] Bị Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các Tên):	☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner ☐ Respondent Nguyên Đơn [-] Bị Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các Tên):	☐ Other (name): Khác (tên):	

Dates Số ngày	Children Các trẻ	Lived with Đã sống với	In which state, Indian reservation, or foreign country Ở tiểu bang, khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ hay nước ngoài nào
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner ☐ Respondent Nguyên Đơn [-] Bị Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Other (name): Khác (tên):	
From: Từ:	☐ All children Tất cả các trẻ	☐ Petitioner ☐ Respondent Nguyên Đơn [-] Bị Đơn	
To: Đến:	☐ (Name/s): ((Các) Tên):	☐ Other (name): Khác (tên):	

9. Other People with a Legal Right to Spend Time with a Child
Những Người Khác Có Quyền Hợp Pháp Dành Thời Gian Cho Trẻ

Do you know of anyone besides the guardian and the parents who has or claims to have a legal right to spend time with the children?

Quý vị có biết bất kỳ ai ngoài người giám hộ và cha mẹ có hoặc tuyên bố có quyền hợp pháp dành thời gian cho các trẻ không?

☐ No.
Không.

☐ Yes. (Name/s) _____ has or claims to have a legal right to spend time with the children because: _____
 Có. ((Các) Tên) _____ có hoặc tuyên bố có quyền hợp pháp dành thời gian cho các trẻ bởi vì:

10. Other Court Cases Involving a Child
Các Vụ Án Khác Liên Quan Đến Trẻ

Do you know of any other court cases involving any of the children?

Quý vị có biết về bất kỳ vụ án nào khác liên quan đến bất kỳ trẻ nào không?

(Check one): ☐ Yes. (Fill out below.) ☐ No. (Skip to **11**.)

(Đánh dấu một mục): [-] Có. (Điền vào dưới đây.) [-] Không. (Chuyển đến **11**.)

Kind of case <i>Loại vụ án</i> (Family Law, Criminal, Protection Order, Juvenile, Dependency, other) (Luật Gia Đình, Hình Sự, Lệnh Bảo Vệ, Trẻ Vị Thành Niên, Người Phụ Thuộc, khác)	County and State <i>Quận và Tiểu Bang</i>	Case number and year <i>Vụ án số và năm</i>	Children <i>Các trẻ</i>
			☐ All children <i>Tất cả các trẻ</i> ☐ (Name/s): <i>((Các Tên):</i>
			☐ All children <i>Tất cả các trẻ</i> ☐ (Name/s): <i>((Các Tên):</i>
			☐ All children <i>Tất cả các trẻ</i> ☐ (Name/s): <i>((Các Tên):</i>

11. Are any of the children Indian children?
Có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ không?

(An **Indian child** is a child who is a member of an Indian tribe, or who is the biological child of an Indian tribe member and is eligible for membership. You must try to find out if any child in this case is an Indian child. If so, the federal and state Indian Child Welfare Acts will apply to your case.)

(**Trẻ Da Đỏ** là trẻ thành viên của một bộ lạc Da Đỏ hoặc là con ruột của một thành viên bộ lạc Da Đỏ và hội đủ điều kiện tư cách thành viên. Quý vị phải cố gắng tìm hiểu xem trong vụ án này có bất kỳ trẻ nào là trẻ Da Đỏ hay không.

Nếu vậy, Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ của liên bang và tiểu bang sẽ áp dụng cho vụ án của quý vị.)

Check all that apply:

Đánh dấu tất cả mục áp dụng:

☐ **No.**
Không.

☐ None of the children are Indian children.
Không có các trẻ nào là các trẻ Da Đỏ.

☐ These children are not Indian children (name/s): _____
Các trẻ này không phải là các trẻ Da Đỏ ((các tên):

I know this because: _____

Tôi biết điều này bởi vì:

[] **Yes.** These children are Indian children:

Có. Các trẻ này đều là các trẻ Da Đỏ:

Children Các trẻ	Tribe Bộ lạc
[] All children Tất cả các trẻ	
[] (name/s): ((các) tên):	
[] All children Tất cả các trẻ	
[] (name/s): ((các) tên):	

I will provide the *Indian Child Welfare Act Notice* (form GDN M 401) and a copy of this *Petition* to the tribe/s named above and other necessary people or agencies.

Tôi sẽ cung cấp Thông Báo Về Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ (mẫu đơn GDN M 401) và một bản sao Đơn Xin này cho (các) bộ lạc có tên trên đây và những người hoặc cơ quan cần thiết khác.

[] **Maybe.** These children may be eligible for membership in these tribes:

Có thể. Các trẻ này có thể hội đủ điều kiện tư cách thành viên trong các bộ lạc này:

Children Các trẻ	Tribe Bộ lạc
[] All children Tất cả các trẻ	
[] (name/s): ((các) tên):	
[] All children Tất cả các trẻ	
[] (name/s): ((các) tên):	

I will provide the *Indian Child Welfare Act Notice* (form GDN M 401) and a copy of this *Petition* to the tribe/s named above (and other necessary people or agencies) to find out whether any of the children are eligible for membership.

Tôi sẽ cung cấp Thông Báo Về Đạo Luật Trợ Cấp Trẻ Em Người Mỹ Da Đỏ (mẫu đơn GDN M 401) và một bản sao Đơn Xin này cho (các) bộ lạc có tên trên đây và những người hoặc cơ quan cần thiết khác) để tìm hiểu việc liệu có bất kỳ trẻ nào hội đủ điều kiện tư cách thành viên hay không.

[] **I do not know** if any of the children are Indian children. I have done the following things to try to find out:

Tôi không biết xem có bất kỳ trẻ nào là các trẻ Da Đỏ hay không. Tôi đã thực hiện những điều sau đây để cố gắng tìm hiểu:

12. Jurisdiction Over Indian Children
Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ Da Đỏ

- ☐ Does not apply. None of the children are Indian children.
Không áp dụng. Không có các trẻ nào là các trẻ Da Đỏ.
- ☐ A state court can decide this case for the Indian children because:
Một tòa án tiểu bang có thể quyết định vụ án này dành cho các trẻ Da Đỏ bởi vì:
- ☐ (Children's names): _____ are **not** domiciled or living on an Indian reservation, and are not wards of a tribal court.
(25 U.S.C. § 1911)
(Tên các trẻ): _____ **không** có nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và không phải là người được tòa án bộ lạc bảo hộ.
(25 U.S.C. § 1911)
- ☐ (Children's names): _____ are domiciled or living on an Indian reservation, and (check all that apply):
(Tên các trẻ): _____ **có** nơi ở hoặc sống tại một khu vực dành riêng cho Người Mỹ Da Đỏ và (đánh dấu tất cả mục thích hợp):
- ☐ The children's tribe agrees to Washington state's concurrent jurisdiction.
Bộ lạc của các trẻ đồng ý với thẩm quyền đồng thời của tiểu bang Washington.
- ☐ The children's tribe decided not to use its exclusive jurisdiction (expressly declined). (RCW 13.38.060)
Bộ lạc của các trẻ đã quyết định không sử dụng thẩm quyền riêng biệt của mình (đã từ chối một cách rõ ràng). (RCW 13.38.060)
- ☐ Washington state should claim emergency jurisdiction for children temporarily located off the reservation to protect the children from immediate physical damage or harm. (RCW 13.38.140)
Tiểu bang Washington nên tuyên bố thẩm quyền khẩn cấp đối với các trẻ tạm thời ở ngoài khu dành riêng để bảo vệ các trẻ khỏi bị tổn hại hoặc thương tổn về thể chất ngay lập tức. (RCW 13.38.140)

13. Jurisdiction Over Children (RCW 26.27.201–.221, .231, .261, .271)
Thẩm Quyền Đối Với Các Trẻ (RCW 26.27.201–.221, .231, .261, .271)

The court can change a guardianship or non-parent custody order for the children because (check all that apply; if a box applies to all of the children, you may write "the children" instead of listing names):
Tòa án có thể thay đổi một người giám hộ hoặc lệnh nuôi con không phải cha mẹ đối với các trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp; nếu một mục áp dụng cho tất cả các trẻ, quý vị có thể ghi "các trẻ" thay vì liệt kê tên):

☐ **Washington order/exclusive, continuing jurisdiction** – The order I want to change was made by a Washington court, and the court still has authority to make orders for (children's names): _____

Lệnh Washington/thẩm quyền riêng biệt, liên tục – Lệnh mà tôi muốn thay đổi đã được tòa án ở Washington thực hiện và tòa án vẫn có thẩm quyền đưa ra các lệnh khác đối với (tên các trẻ):

- [] **Other state's order** – The order I want to change was not made by a Washington state court **AND** (check one):

Lệnh của tiểu bang khác – Lệnh mà tôi muốn thay đổi đã được tòa án ở tiểu bang Washington thực hiện **VÀ** (đánh dấu một mục):

- [] A court in the state (or tribe) that made the order has made another order saying that it no longer has jurisdiction **or** that it is better to have this case decided in Washington;
Một tòa án ở tiểu bang (hoặc bộ lạc) đưa ra lệnh này đã ban hành một lệnh khác đề cập rằng tòa án không còn thẩm quyền hoặc quyết định tốt hơn là nên đưa vụ án này ở Washington;
- [] No child, parent, or person acting as a parent lives in the state (or tribal reservation) that made the order anymore;
Không có trẻ, cha/mẹ hoặc người đóng vai trò là cha/mẹ sống ở tiểu bang (hoặc khu dành riêng cho bộ lạc) đã đưa ra lệnh này nữa;

AND (check one):

VÀ (đánh dấu một mục):

- [] **Home state jurisdiction** – Washington is the children's home state because (check all that apply):

Thẩm quyền của tiểu bang cư trú – Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ bởi vì (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- [] (Children's names): _____
lived in Washington with a parent or someone acting as a parent for at least the 6 months just before this case was filed or, if the children are less than 6 months old, they have lived in Washington with a parent or someone acting as a parent since birth.
(Tên các trẻ):
đã sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ trong ít nhất 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình hoặc, nếu các trẻ dưới 6 tháng tuổi, chúng đã sống ở Washington với cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ kể từ khi sinh ra.

- [] There were times the children were not in Washington in the 6 months just before this case was filed (or since birth if they are less than 6 months old), but those were temporary absences.
Có những lúc các trẻ không có mặt ở Washington trong 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình (hoặc kể từ khi sinh ra nếu chúng dưới 6 tháng tuổi), nhưng đó chỉ là những lúc vắng mặt tạm thời.

- [] (Children's names): _____

do not live in Washington right now, but Washington was the children's home state sometime in the 6 months just before this case was filed, and a parent or someone acting as a parent of the children, still lives in Washington.

(Tên các trẻ):

ngay bây giờ không sống ở Washington, nhưng Washington là tiểu bang cư trú của các trẻ vào khoảng 6 tháng ngay trước khi vụ án này được đệ trình và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ của các trẻ vẫn sống ở Washington.

[] (Children's names):

do not have another home state.

(Tên các trẻ):

không có một tiểu bang cư trú khác.

[] **No home state or home state declined** – No court of any other state (or tribe) has the jurisdiction to make decisions for (children's names):
Không có tiểu bang cư trú hoặc tiểu bang cư trú đã từ chối – Không có tòa án của bất kỳ tiểu bang (hoặc bộ lạc) nào khác có thẩm quyền đưa ra quyết định đối với (tên các trẻ):

or a court in the children's home state (or tribe) decided it is better to have this case in Washington, and:

hoặc tòa án ở tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) của các trẻ đã quyết định tốt hơn là nên đưa vụ án này ở Washington và:

- The children and a parent, or someone acting as a parent, have ties to Washington beyond just living here (significant connection); **and** Các trẻ và cha/mẹ hoặc người nào đó đóng vai trò là cha/mẹ có mối quan hệ với Washington ngoài việc chỉ sống ở đây; và
- There is a lot of information (substantial evidence) about the children's care, protection, education, and relationships in this state. Có rất nhiều thông tin (bằng chứng đáng kể) về việc chăm sóc, bảo vệ, giáo dục và các mối quan hệ của các trẻ ở tiểu bang này.

[] **Temporary emergency jurisdiction** – The order I want to change was **not** made by a Washington state court. A Washington court can make decisions for (children's names):

because the children are in this state now **and** were abandoned here **or** need emergency protection because the children (or the children's parent or siblings) were abused or threatened with abuse. Washington should take temporary emergency jurisdiction over the children until the Petitioner can get a court order from the state (or tribe) that made the original order.

Thẩm quyền khẩn cấp tạm thời – Lệnh mà tôi muốn thay đổi đã **không** được tòa án ở Tiểu Bang Washington thực hiện. Một tòa án ở Washington có thể đưa ra các quyết định cho (tên các trẻ):

bởi vì các trẻ hiện đang ở tiểu bang này và đã bị bỏ rơi ở đây **hoặc** cần được bảo vệ khẩn cấp bởi vì các trẻ (hoặc cha/mẹ, anh chị em ruột của các trẻ) đã bị ngược đãi hoặc bị đe dọa ngược đãi. Washington nên thực hiện thẩm quyền khẩn cấp tạm thời đối với các trẻ cho đến khi Nguyên Đơn có thể nhận được lệnh tòa từ tiểu bang cư trú (hoặc bộ lạc) đã đưa ra lệnh ban đầu.

[] Other reason (specify):

Lý do khác (nếu rõ):

14. Other Requests (if any):
Các Yêu Cầu Khác (nếu có):

Person filing this Petition fills out below:

Người đang nộp Đơn Xin này điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form (including any attachments) are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong mẫu đơn này (bao gồm bất kỳ đính kèm nào) đều đúng sự thật.

[] I have attached (#): _____ pages.
Tôi đã đính kèm (#): _____ trang.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____



Person filing Petition signs here
Người đang nộp Đơn Xin ký ở đây

Print name
Tên viết in

Lawyer (if any) for person filing this Petition fills out below:

Luật sư (nếu có) cho người đang nộp Đơn Xin này điền vào dưới đây:



Lawyer signs here
Luật sư ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

[] **A parent, child over 12, guardian, or non-parent custodian fills out below if they agree to join this Petition:**

Cha/mẹ, trẻ trên 12 tuổi, người giám hộ hoặc người nuôi con không phải cha mẹ sẽ điền vào dưới đây nếu họ đồng ý tham gia Đơn Xin này:

(If more than one other person agrees to join the Petition, each person should copy and fill out the section below.)

(Nếu nhiều hơn một người khác đồng ý tham gia Đơn Xin, mỗi người nên sao chép và điền vào mục dưới đây.)

I, (name): _____, agree to join this *Petition*. I understand that if I fill out and sign below, the court may approve the requests listed in this *Petition* unless I file and serve an objection before the court signs final orders. (Check one):

Tôi, (tên): _____, đồng ý tham gia Đơn Xin này. Tôi hiểu rằng nếu tôi điền vào và ký tên dưới đây, tòa án có thể chấp thuận các yêu cầu được liệt kê trong Đơn Xin này trừ khi tôi nộp và tổng đạt đơn phản đối trước khi tòa án ký các lệnh cuối cùng. (Đánh dấu một mục):

[] I do not need to be notified about the court's hearings or decisions in this case.

Tôi không cần được thông báo về các phiên xét xử hoặc quyết định của tòa án trong vụ án này.

- [] The person who filed this *Petition* must notify me about any hearings in this case.
(List an address where you agree to accept legal documents. This may be a lawyer's address or any other address.)

Người đã nộp Đơn Xin này phải thông báo cho tôi biết về bất kỳ phiên xét xử nào trong vụ án này.

(Liệt kê một địa chỉ nơi quý vị đồng ý nhận các văn kiện pháp lý. Địa chỉ này có thể là địa chỉ của một luật sư hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác.)

Street Address or P.O. Box	City	State	Zip
Địa Chỉ Đường hoặc P.O. Box	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Vùng

Email (optional): _____

Email (Không bắt buộc): _____

*(If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120).)*

*(Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ án chấm dứt, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa án bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất cả gia đình 120).)*



Person joining Petition signs here
Người đang tham gia Đơn Xin ký ở đây

Print name
Tên viết in

Date
Ngày